TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 630/2018/DS-ST
Ngày: 21-11-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu

2. Bà Trần Tiểu Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2018/QĐXX-ST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1977

Bà Dương Thị Mỹ L, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Số 154/127/9 đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 84/4 đường H, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Thế L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 84/4 đường T, Phường B, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Phòng 301, tầng 3, Tòa nhà W đường Q, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng ủy quyền số 012830, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L

Địa chỉ: Số 190 Đường 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Đắc H (Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1983 (Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ/HL ngày 19/6/2016 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2018 của ông Phạm Đức T, bà Dương Thị Mỹ L và quá trình giải quyết vụ án ông Dương Thế L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/9/2007, ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L có ký Hợp đồng góp vốn nội bộ số 124/HĐGV-NB-2007 về việc thực hiện dự án "Khu dân cư tại xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh" với Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L (gọi tắt Công ty L) do ông Hồ Đắc H là người đại diện theo pháp luật của công ty ký tên. Theo nội dung của hợp đồng thì ông T và bà L góp vốn bằng tiền cho Công ty L số tiền là 150.000.000 đồng, góp làm 4 đợt, để Công ty L trang trải các chi phí đầu tư ban đầu, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng khu quy hoạch tại xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất việc san lấp và cơ sở hạ tầng thì Công ty L bàn giao cho ông T và bà L 100m^2 đất đã hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng; thời hạn giao đất là không quá 24 tháng kể từ ngày hợp đồng góp vốn có hiệu lực. Ngay sau khi ký hợp đồng thì ông T và bà L đã góp vốn đợt 1, số tiền là 45.000.000 đồng, nhưng quá thời hạn 24 tháng theo hợp đồng góp vốn Công ty L vẫn chưa bàn giao đất theo thỏa thuận. Ngày 31/3/2010 Công ty L có thư báo số 08/VC.HL/2010 gửi cho ông T, bà L với nội dung: Do việc bồi thường không liền lạc (da beo) nên khi khu nào bồi thường được liền kề thì chúng tôi mới cho sang lấp. Trường hợp ông T, bà L vì lý do nào đó không muốn tham gia thực hiện hợp đồng thì thông báo cho Công ty L để được hoàn trả lại theo công thức vốn + lãi suất ngân hàng kể từ ngày ký hợp đồng.

Nay ông đề nghị Tòa án hủy hợp đồng góp vốn nêu trên và buộc Công ty L phải trả lại phần góp vốn cho ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L số tiền góp vốn là 45.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền góp vốn tạm tính đến tháng 4/2018 số tiền là 40.500.000 đồng. Tổng cộng hai khoản số tiền là 85.500.000 đồng. Trả làm một lần sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L thông qua người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu B trình bày: Do kinh tế khó khăn nên Công ty L chưa thể triển khai dự án và hiện Công ty cũng rất khó khăn, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty chỉ có khả năng trả tiền góp vốn số tiền là 45 triệu đồng. Thời hạn trả khi dự án khởi động lại. Ngoài ra không ý kến gì khác.

Ngày 14/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Thế L có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời nộp bổ sung bảng chiết tính tiền lãi trên số tiền góp vốn tính từ ngày 14/9/2007 đến ngày 14/11/2018 số tiền là 45.225.000 đồng.

Ngày 16/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu B có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn", chứng cứ đã rõ ràng, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp hoặc đương sự trong vụ án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L trả lại tiền góp vốn theo hợp đồng góp vốn nội bộ được ký kết giữa đôi bên; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/11/2018 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Thế L và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 16/11/2018 của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu B. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Thế Lvà bà Nguyễn Thị Thu B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L về việc yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng góp vốn nội bộ số 124/HĐGV-NB-2007 ngày 14/9/2007 và buộc Công ty L phải trả lại tiền góp vốn là 45.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền góp vốn tính từ ngày 14/9/2007 đến ngày 14/11/2018 số tiền là 45.225.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng góp vốn nội bộ nêu trên phù hợp nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Theo nội dung của hợp đồng mà hai bên thỏa thuận thì ông T và bà L đồng ý góp số tiền 150.000.000 đồng để Công ty L trang trải các chi phí đầu tư ban đầu và xúc tiến san lấp mặt bằng, xây dựng cở sở hạ tầng tại khu quy hoạch ở xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi việc san lấp mặt bằng và thi công cơ sở hạ tầng tại khu quy hoạch nêu trên hoàn tất thì Công ty L bàn giao lại cho ông T và bà L 100m^2 đất tại lô 36, khu A6; phương thức góp vốn làm 4 đợt theo tiến độ, mỗi đợt theo thông báo của Công ty L; ngay sau khi ký hợp đồng thì ông T, bà L đã góp số tiền 45.000.000 đồng. Tại khoản 3.4 Điều 3 của hợp đồng hai bên thỏa thuận thời hạn giao nhận đất: Công ty L lập biên bản cắm mốc và giao đất cho ông T, bà Lê không quá 24 tháng kể từ khi hợp đồng góp vốn có hiệu lực (ngày 14/9/2007), nhưng đến ngày ông T và bà L khởi kiện, Công ty L vẫn không có thông báo góp vốn cho các đợt tiếp theo cũng như việc giao đất cho ông T, bà L. Tại Biên bản hòa giải ngày 14/8/2018, người đại diện theo ủy quyền bị đơn Công ty L là bà Nguyễn Thị Thu B cho rằng do kinh tế khó khăn nên Công ty L chưa thể triển khai dự án và hiện Công ty cũng rất khó khăn, theo yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn Công ty chỉ có khả năng trả tiền góp vốn số tiền là 45 triệu đồng; thời hạn trả khi dự án khởi động lại. Như vậy, có căn cứ xác định Công ty L đã vi phạm hợp đồng về thời hạn giao đất, nên yêu cầu của ông T, bà L về việc hủy hợp đồng góp vốn nêu trên và buộc Công ty L trả lại tiền góp vốn 45.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền góp vốn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 6 của hợp đồng góp vốn nội bộ nêu trên hai bên thỏa thuận: " *Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận và đã cam kết thì bên đó có trách nhiệm phải bồi thường cho bên kia mọi thiệt hại thực tế phát sinh*". Tại Thư báo số 08/VC.HL/2010 của Công ty L xác định: "*Trường hợp ông T, bà L vì lý do nào đó không muốn tham gia thực hiện hợp đồng thì thông báo cho Công ty L để được hoàn trả lại theo công thức vốn + lãi suất ngân hàng kể từ ngày ký hợp đồng*". Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm (0.75%/tháng). Thời gian góp vốn từ ngày 14/9/2007 đến ngày 14/11/2018 là 134 tháng (45.000.000 đồng x 0,75/tháng x 134 = 45.225.000 đồng). Như vậy, yêu cầu của ông T, bà L về tiền lãi trên số tiền góp vốn số tiền 45.225.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L được chấp nhận nên Công ty L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 3, Điều 328, Điều 425, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L.

Hủy Hợp đồng góp vốn nội bộ số 124/HĐGV-NB-2007 ngày 14/9/2007 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L với ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L phải trả lại tiền góp vốn cho ông T và bà L số tiền là 45.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền góp vốn tính từ ngày 14/9/2007 đến ngày 14/11/2018 số tiền là 45.225.000 đồng. Tổng

cộng hai khoản số tiền là 90.225.000 (chín mươi triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng,

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho ông T, bà L nêu trên, hàng tháng Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.511.250 (bốn triệu năm trăm mười một ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Đức T và bà Dương Thị Mỹ L số tiền đã nộp là 2.137.500 (hai triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0025257 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Đức T, bà Dương Thị Mỹ L và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK *Thu*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh